

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 40/4/BTP-BTNN

V/v hướng dẫn triển khai áp dụng Bộ tiêu
chí và quy trình đánh giá hiệu quả thi
hành Luật Trách nhiệm bồi thường của
Nhà nước

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2015

Kính gửi: Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước được Quốc Hội khóa XII thông qua ngày 18/6/2009, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2010. Nhằm đánh giá hiệu quả thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (Luật TNBTCNN), ngày 22/3/2013 Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ký ban hành Quyết định số 634/QĐ-BTP về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá hiệu quả thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (Bộ tiêu chí). Qua hai năm thực hiện thí điểm tại 28 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ tiêu chí đã góp phần giúp cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường đánh giá cơ bản tình hình và kết quả hoạt động triển khai thi hành Luật TNBTCNN. Trên cơ sở kết quả thí điểm, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã chỉ đạo triển khai áp dụng Bộ tiêu chí trong hoạt động quản lý hành chính trên phạm vi cả nước. Ngày 07/10/2015, Cục Bồi thường nhà nước đã ban hành Kế hoạch số 24/KH-BTNN triển khai áp dụng Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá hiệu quả thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Để triển khai áp dụng Bộ tiêu chí trong hoạt động quản lý hành chính đạt kết quả, Bộ Tư pháp đề nghị Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện một số công việc sau đây:

I. Triển khai thực hiện Bộ tiêu chí

1. Hàng năm, chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương triển khai áp dụng Bộ tiêu chí trong hoạt động quản lý hành chính (thực hiện theo Bảng chấm điểm đánh giá hiệu quả thi hành Luật TNBTCNN và Báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm ban hành kèm theo Công văn này).

2. Riêng trong năm 2015, căn cứ vào kết quả thực hiện công tác bồi thường trong năm 2015, tính từ ngày 01/10/2014 đến ngày 30/9/2015 đã báo cáo Bộ Tư pháp phục vụ cho công tác xây dựng Báo cáo của Chính phủ trình Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 10 Sở Tư pháp thực hiện việc tự đánh giá, chấm điểm. Kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các tỉnh, thành phố cùng Bảng chấm điểm đánh giá hiệu quả thi hành Luật TNBTCNN gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để báo cáo, đồng thời gửi Bộ Tư pháp (Cục Bồi thường nhà nước) để tổng hợp, xây dựng Báo cáo kết quả triển khai áp dụng Bộ tiêu chí trước ngày 30/11/2015.

II. Tổ chức áp dụng Bộ tiêu chí

1. Xây dựng kế hoạch tổ chức áp dụng Bộ tiêu chí

Trên cơ sở Kế hoạch số 24/KH-BTNN, hàng năm, Sở Tư pháp xây dựng ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện áp dụng Bộ tiêu chí trong phạm vi do mình quản lý. Kế hoạch này có thể ban hành riêng hoặc lồng ghép trong Kế hoạch công tác chung của đơn vị. Đồng thời, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện triển khai các nội dung của Kế hoạch phù hợp với các tiêu chí của Bộ tiêu chí và điều kiện của đơn vị. Việc xây dựng kế hoạch tổ chức áp dụng Bộ tiêu chí được thực hiện trước ngày 01/02 của năm tổ chức áp dụng. Riêng năm 2015, các địa phương xây dựng kế hoạch tổ chức áp dụng Bộ tiêu chí trước ngày 10/11/2015.

2. Tổ chức đánh giá

a) Thu thập tài liệu phục vụ cho việc tự đánh giá, chấm điểm

Việc thu thập các tài liệu kiểm chứng để chứng minh cho tính khách quan của điểm tự đánh giá, chấm điểm. Đồng thời các đơn vị phải tự chịu trách nhiệm về tính sát thực trong việc đánh giá của mình. Tùy theo tiêu chí đánh giá mà tài liệu kiểm chứng có thể là kế hoạch tập huấn, tài liệu tập huấn, bài báo đưa tin về việc tổ chức các lớp tập huấn, hồ sơ giải quyết bồi thường đối với các vụ việc (nếu có) báo cáo kết quả giải quyết bồi thường, công văn hướng dẫn nghiệp vụ, báo cáo kết quả kiểm tra Đồng thời, tài liệu kiểm chứng bao gồm các văn bản do Sở Tư pháp tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành hoặc do Sở Tư pháp ban hành theo thẩm quyền hoặc kết quả thực hiện của các Sở ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện, thị xã....

b) Thời điểm, nội dung đánh giá

Sở Tư pháp căn cứ vào kết quả thực hiện công tác bồi thường trong năm tổ chức áp dụng, tính từ ngày 01/10 năm trước đến ngày 30/9 của năm tổ chức áp dụng để thực hiện việc tự đánh giá. Đối với trường hợp mà việc tập hợp, gửi các tài liệu kiểm chứng gặp khó khăn, các đơn vị có thể giải trình cho điểm mà đơn vị tự đánh giá, chấm điểm. Tuy nhiên, việc giải trình phải bảo đảm các yếu tố chính xác, đầy đủ và thuyết phục.

Trường hợp các đơn vị không có tài liệu kiểm chứng cũng như không có giải trình cho điểm tự đánh giá, thì điểm tự đánh giá của đơn vị sẽ không được chấp nhận.

c) Tự đánh giá, chấm điểm theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần

Để hoạt động áp dụng thí điểm được rõ ràng, đồng thời bảo đảm sự khách quan, minh bạch, Bộ Tư pháp đề nghị các Sở Tư pháp tiến hành tự đánh giá, chấm điểm kết quả thi hành Luật TNBTCNN theo các tiêu chí trong Bảng chấm điểm.

Việc tự đánh giá, chấm điểm của các đơn vị phải có các tài liệu kiểm chứng kèm theo để xác định mức độ khách quan của việc đánh giá, chấm điểm

(thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục số I về Bảng chấm điểm ban hành kèm theo Công văn này); đồng thời, các đơn vị phải tự chịu trách nhiệm về tính sát thực trong việc đánh giá của mình. Trên cơ sở Báo cáo kết quả tự đánh giá của Sở Tư pháp (thực hiện theo mẫu báo cáo tại Phụ lục số II về mẫu báo cáo ban hành kèm theo Công văn này), các tài liệu kiểm chứng gửi kèm và Báo cáo định kỳ của đơn vị, Bộ Tư pháp sẽ xem xét tính sát thực của điểm tự đánh giá của các đơn vị.

3. Hướng dẫn tự đánh giá, chấm điểm

Để việc tự đánh giá bảo đảm được thống nhất, các Sở Tư pháp thực hiện việc tự đánh giá, chấm điểm theo Bảng chấm điểm và Mẫu báo cáo kèm theo Công văn này. Đối với một số tiêu chí cụ thể, Bộ Tư pháp hướng dẫn thống nhất đánh giá, chấm điểm một số tiêu chí, cụ thể như sau:

a) Đối với các tiêu chí mà các Sở Tư pháp không có chức năng thực hiện (tiêu chí về xây dựng văn bản hướng dẫn thi hành và tiêu chí về hiệu quả giải đáp vướng mắc về việc thực hiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước) và tiêu chí đánh giá phải thực hiện thông qua kết quả điều tra/ khảo sát (khoản b tiêu chí thành phần 1.2 tiêu chí 1; điểm a.1 khoản a tiêu chí thành phần 4.1 tiêu chí 4 Bảng chấm điểm), đề nghị các Sở Tư pháp không chấm điểm cho tiêu chí đó. Như vậy, điểm tối đa mà Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố chấm là 346 điểm.

b) Đối với Tiêu chí 2 về chất lượng, hiệu quả của hoạt động giải quyết bồi thường, việc tự đánh giá, chấm điểm thực hiện như sau:

- Trường hợp có phát sinh 01 vụ việc giải quyết bồi thường thì các Sở Tư pháp thực hiện tự đánh giá, chấm điểm theo các tiêu chí và tiêu chí thành phần trong Bảng chấm điểm ban hành kèm theo Phụ lục số I.

- Trường hợp có phát sinh từ 02 vụ việc giải quyết bồi thường trở lên thì đối với Tiêu chí về chất lượng, hiệu quả của hoạt động giải quyết bồi thường, điểm của Tiêu chí này được tính trên cơ sở trung bình cộng của các điểm đánh giá của từng vụ việc theo Bảng chấm điểm.

Ví dụ: Tỉnh H có 02 vụ việc giải quyết bồi thường. Tiêu chí thành phần về Thủ tục thụ lý đơn yêu cầu bồi thường đối với vụ việc thứ nhất được 2 điểm, đối với vụ việc thứ hai được 0 điểm. Như vậy điểm tại mục này được tính là điểm trung bình cộng của 2 vụ việc $((2+0):2=1)$.

- Trường hợp không phát sinh vụ việc giải quyết bồi thường thì điểm tại Tiêu chí 2 về chất lượng, hiệu quả của hoạt động giải quyết bồi thường, việc tự đánh giá, chấm điểm thực hiện trên cơ sở kết quả điểm tự đánh giá, chấm điểm của Tiêu chí 1 về tổ chức triển khai thi hành pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và Tiêu chí 3 về hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước về công tác bồi thường, cụ thể như sau:

Tiêu chí 1 \ Tiêu chí 3	Từ 50 đến 68 điểm	Từ 30 đến dưới 50 điểm	Từ 0 đến dưới 30 điểm
Từ 70 đến 88 điểm	100 điểm	80 điểm	50 điểm
Từ 50 đến dưới 70 điểm	80 điểm	60 điểm	40 điểm
Từ 0 đến dưới 50 điểm	50 điểm	40 điểm	30 điểm

Ví dụ 1: Tỉnh C không có vụ việc yêu cầu bồi thường và điểm số tại Tiêu chí 1 về tổ chức triển khai thi hành pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước được 52 điểm và điểm số tại Tiêu chí 3 về hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước về công tác bồi thường được 71 điểm thì số điểm tại Tiêu chí về chất lượng, hiệu quả của hoạt động giải quyết bồi thường được 100 điểm.

Ví dụ 2: Tỉnh G không có vụ việc yêu cầu bồi thường và điểm số tại Tiêu chí 1 về hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước về công tác bồi thường được 48 điểm và điểm số tại Tiêu chí 3 về hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước về công tác bồi thường được 42 điểm thì số điểm tại Tiêu chí về chất lượng, hiệu quả của hoạt động giải quyết bồi thường là 40 điểm.

4. Tổng điểm đánh giá

Trên cơ sở điểm tự đánh giá, chấm điểm của các Sở Tư pháp, Bộ Tư pháp tổng hợp và tính tổng điểm đánh giá cuối cùng đối với từng đơn vị dựa trên trung bình cộng của 02 điểm đánh giá là điểm tự đánh giá của Sở Tư pháp và điểm đánh giá của cơ quan quản lý (tổng hợp thông qua hoạt động khảo sát, báo cáo định kỳ và đột xuất của các đơn vị).

Điểm đánh giá cuối cùng đối với từng đơn vị là cơ sở để Bộ Tư pháp xây dựng Báo cáo kết quả triển khai áp dụng Bộ tiêu chí, đồng thời là cơ sở để đánh giá hiệu quả thi hành Luật TNBTCNN giữa các địa phương trong phạm vi cả nước.

5. Xây dựng báo cáo tự đánh giá, chấm điểm

Sau khi tự đánh giá, chấm điểm theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định trong Bảng chấm điểm, các Sở Tư pháp xây dựng báo cáo theo Mẫu báo cáo (Phụ lục số II ban hành kèm theo Công văn này). Bảng tổng hợp kết quả tự chấm điểm, các tài liệu kiểm chứng và Báo cáo gửi về Bộ Tư pháp (Cục Bồi thường nhà nước) trước ngày 15/11 của năm tổ chức áp dụng.

6. Tài liệu tham khảo

Để thuận tiện cho các Sở Tư pháp trong việc triển khai áp dụng Bộ tiêu chí, Bộ Tư pháp đã đăng tải tài liệu tham khảo để triển khai áp dụng Bộ tiêu chí

trên mục Hướng dẫn nghiệp vụ, Trang thông tin về Bồi thường nhà nước, Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp.

Trên đây là hướng dẫn của Bộ Tư pháp về công tác tự đánh giá, chấm điểm đánh giá hiệu quả thi hành Luật TNBTCNN. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các đơn vị liên hệ về Bộ Tư pháp (Cục Bồi thường nhà nước, số điện thoại 04.62739762) để kịp thời giải quyết, hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Khánh Ngọc (để báo cáo);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (để theo dõi);
- Lưu: VT, Cục BTNN.

**TL. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG
CỤC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC**



Nguyễn Văn Bốn

Phụ lục I
BẢNG CHẤM ĐIỂM

*(Ban hành kèm theo Công văn số 4014/BTP-BTNN ngày 30/10/2015
về hướng dẫn triển khai áp dụng Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá hiệu quả thi
hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước)*

CƠ QUAN TỰ CHẤM ĐIỂM CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG CHẤM ĐIỂM

Đánh giá hiệu quả thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước

STT	NỘI DUNG	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng	Ghi chú
1	Tiêu chí về tổ chức triển khai thi hành pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	100			
1.1	<i>Triển khai phổ biến, giáo dục pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước</i>	36		Văn bản triển khai phổ biến, giáo dục pháp luật và Báo cáo tổng kết hoặc Báo cáo kết quả thực hiện	
a	Tính kịp thời trong hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật	12			
a.1.	Tính kịp thời trong việc xây dựng Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	6			
	Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật trước ngày 01/02 hàng năm	6			
	Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật sau ngày 01/02 tới ngày 01/3 hàng năm	3			
	Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật sau ngày 01/3 hàng năm hoặc không ban hành	0			
a.2.	Thực hiện Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	6			
	Thực hiện được trên 80% Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	6			
	Thực hiện được từ 50% đến 80% Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	3			
	Thực hiện dưới 50% Kế hoạch phổ biến, giáo	0			

	đục pháp luật hoặc không thực hiện			
b	Hình thức, phương pháp triển khai	12		
	Có từ 07 hình thức trở lên	12		
	Có từ 04 đến 06 hình thức	8		
	Có từ 01 đến 03 hình thức	4		
	Không có hình thức nào	0		
c	Phạm vi, đối tượng thụ hưởng thông tin pháp luật thông qua việc phổ biến, giáo dục pháp luật	12		
	Phổ biến, giáo dục trên 80% cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn quản lý	12		
	Phổ biến, giáo dục từ 60 đến 80% cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn quản lý	8		
	Phổ biến, giáo dục từ 40% đến dưới 60% cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn quản lý	4		
	Phổ biến, giáo dục từ 10% đến dưới 40% cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn quản lý	2		
	Phổ biến, giáo dục dưới 10% cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn quản lý	0		
1.2	Khả năng tiếp cận thông tin pháp luật của cá nhân, tổ chức	24		Kế hoạch và báo cáo kết quả
a	Tính đa dạng về nội dung, hình thức tiếp cận của nguồn thông tin	12		
	Đối tượng thụ hưởng được tiếp cận nguồn thông tin từ 03 hình thức trở lên	12		
	Đối tượng thụ hưởng được tiếp cận nguồn thông tin từ 02 hình thức	8		
	Đối tượng thụ hưởng được tiếp cận nguồn thông tin từ 01 hình thức	4		
	Đối tượng thụ hưởng không được tiếp cận nguồn thông tin	0		
b	Khả năng đáp ứng nhu cầu tiếp cận thông tin pháp luật cho tổ chức, công dân của cơ quan Nhà nước	12		Sở Tư pháp không chấm điểm tiêu chí này
	Đáp ứng được từ 80% trở lên nhu cầu tiếp cận thông tin pháp luật cho tổ chức, công dân của cơ quan Nhà nước	12		
	Đáp ứng được từ 60% đến dưới 80% nhu cầu tiếp cận thông tin pháp luật cho tổ chức, công dân của cơ quan Nhà nước	8		
	Đáp ứng được từ 40% đến dưới 60% nhu cầu tiếp cận thông tin pháp luật cho tổ chức, công dân của cơ quan Nhà nước	4		
	Đáp ứng được từ 10% đến dưới 40% nhu cầu tiếp cận thông tin pháp luật cho tổ chức, công	2		

	dân của cơ quan Nhà nước				
	Đáp ứng được dưới 10% nhu cầu tiếp cận thông tin pháp luật cho tổ chức, công dân của cơ quan Nhà nước	0			
1.3	Các điều kiện bảo đảm thi hành pháp luật	20			
a	Biên chế, cơ sở vật chất, nguồn kinh phí bảo đảm thực hiện công tác bồi thường nhà nước	10		Báo cáo về bố trí biên chế, tài chính, phương tiện chi phục vụ cho hoạt động này hàng năm	
a.1.	Biên chế thực hiện công tác bồi thường nhà nước	5			
	Có từ 02 biên chế chuyên trách về công tác bồi thường nhà nước trở lên	5			
	Có 01 biên chế chuyên trách về công tác bồi thường nhà nước	4			
	Có từ 02 biên chế kiêm nhiệm về công tác bồi thường nhà nước trở lên	3			
	Có 01 biên chế kiêm nhiệm về công tác bồi thường nhà nước	2			
	Không bố trí công chức thực hiện công tác bồi thường nhà nước	0			
a.2.	Cơ sở vật chất, nguồn kinh phí thực hiện công tác bồi thường	5			
	Cơ sở vật chất, nguồn kinh phí thực hiện công tác bồi thường được đáp ứng đầy đủ	5			
	Cơ sở vật chất, nguồn kinh phí thực hiện công tác bồi thường được đáp ứng một phần	3			
	Cơ sở vật chất, nguồn kinh phí thực hiện công tác bồi thường không được đáp ứng	0			
b	Hình thành thiết chế theo dõi, thanh tra, kiểm tra và bảo đảm thi hành Luật TNBTCNN	10		Kế hoạch theo dõi, thanh tra, kiểm tra hoặc Kế hoạch khác có nội dung này và báo cáo kết quả thực hiện	
	Bố trí công chức, cơ sở vật chất, nguồn kinh phí đáp ứng yêu cầu công tác theo dõi, thanh tra, kiểm tra	10			
	Bố trí công chức, cơ sở vật chất, nguồn kinh phí đáp ứng một phần yêu cầu công tác theo dõi, thanh tra, kiểm tra	5			
	Không bố trí công chức, cơ sở vật chất, nguồn kinh phí đáp ứng yêu cầu công tác theo dõi, thanh tra, kiểm tra	0			
1.4	Xây dựng văn bản hướng dẫn thi hành (đối	20		Sở Tư pháp không chấm điểm	

	<i>với cơ quan có thẩm quyền soạn thảo, ban hành văn bản)</i>		tiêu chí này	
a	Yêu cầu về số lượng các văn bản cần ban hành	10		
	Ban hành đủ các văn bản hướng dẫn thi hành	10		
	Ban hành chưa đủ các văn bản hướng dẫn thi hành	5		
	Không ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành theo yêu cầu	0		
b	Tính kịp thời trong việc xây dựng văn bản hướng dẫn thi hành	10		
	Ban hành kịp thời văn bản hướng dẫn thi hành so với Kế hoạch công tác đã đề ra	10		
	Ban hành văn bản hướng dẫn thi hành chậm 01 tháng so với Kế hoạch công tác đã đề ra	8		
	Ban hành văn bản hướng dẫn thi hành chậm 02 tháng so với Kế hoạch công tác đã đề ra	6		
	Ban hành văn bản hướng dẫn thi hành chậm 03 tháng so với Kế hoạch công tác đã đề ra	4		
	Ban hành văn bản hướng dẫn thi hành chậm từ 4 tháng trở lên so với Kế hoạch công tác đã đề ra	0		
2	Tiêu chí về chất lượng, hiệu quả của hoạt động giải quyết bồi thường	100		
2.1	Chất lượng của hoạt động giải quyết bồi thường	55		Hồ sơ giải quyết bồi thường
a	Sự tuân thủ pháp luật về trình tự, thủ tục trong giải quyết bồi thường	11		
a.1.	Thủ tục thụ lý đơn yêu cầu bồi thường	2		
	Thực hiện việc kiểm tra và xác định tính hợp lệ của đơn và các giấy tờ kèm theo; có hướng dẫn người bị thiệt hại bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ	2		
	Thực hiện việc kiểm tra và xác định tính hợp lệ của đơn và các giấy tờ kèm theo nhưng không hướng dẫn người bị thiệt hại bổ sung hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ	0		
a.2.	Thủ tục cử người đại diện thực hiện việc giải quyết bồi thường	2		
	Cử người đại diện thực hiện việc giải quyết bồi thường đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật	2		
	Cử người đại diện thực hiện việc giải quyết bồi thường không đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật	0		
a.3.	Thủ tục xác minh thiệt hại	2		
	Thiệt hại được xác định tương ứng với thiệt hại thực tế và phù hợp với quy định của pháp	2		

	luật về những thiệt hại được bồi thường				
	Thiệt hại được xác định không tương ứng với thiệt hại thực tế và chưa phù hợp với quy định của pháp luật về những thiệt hại được bồi thường	0			
a.4.	Thương lượng việc bồi thường	3			
	Thành phần, địa điểm thương lượng và biên bản thương lượng được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và thống nhất được quan điểm giữa các bên tham gia thương lượng	3			
	Thành phần, địa điểm thương lượng và biên bản thương lượng được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật nhưng chưa thống nhất được quan điểm giữa các bên tham gia thương lượng	1			
	Thành phần, địa điểm thương lượng và biên bản thương lượng thực hiện không đúng quy định của pháp luật	0			
a.5.	Thủ tục ra quyết định giải quyết bồi thường	2			
	Quyết định giải quyết bồi thường đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật và phù hợp với kết quả thương lượng	2			
	Quyết định giải quyết bồi thường không đủ nội dung theo quy định của pháp luật và không phù hợp với kết quả thương lượng	0			
b	Sự phù hợp của việc áp dụng pháp luật giải quyết bồi thường để xác định căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường; thiệt hại được bồi thường	11			
b.1.	Sự phù hợp của việc áp dụng pháp luật giải quyết bồi thường để xác định căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường	6			
	Xác định trách nhiệm bồi thường có đủ các căn cứ theo quy định của Luật TNBTCNN	6			
	Xác định trách nhiệm bồi thường không đủ các căn cứ theo quy định của Luật TNBTCNN	0			
b.2.	Sự phù hợp của việc áp dụng pháp luật giải quyết bồi thường để xác định thiệt hại được bồi thường	5			
	Việc xác định thiệt hại được bồi thường được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về khoản thiệt hại và mức thiệt hại	5			
	Việc xác định thiệt hại được bồi thường thực hiện chưa đầy đủ hoặc không đúng theo quy định của pháp luật về khoản thiệt hại, mức thiệt hại	0			
c	Kết quả giải quyết bồi thường tại cơ quan có	11			

	trách nhiệm bồi thường			
	Không phát sinh khiếu kiện, khiếu nại, tố cáo về việc giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường	11		
	Có phát sinh khiếu kiện, khiếu nại, tố cáo về việc giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường nhưng được giải quyết kịp thời	6		
	Có phát sinh khiếu kiện, khiếu nại, tố cáo về việc giải quyết bồi thường tại cơ quan có trách nhiệm bồi thường nhưng không giải quyết hoặc giải quyết quá thời hạn theo quy định	0		
d	Kết quả giải quyết bồi thường theo thủ tục tố tụng dân sự tại Toà án	11		
	Giải quyết dứt điểm, đúng pháp luật vụ việc bồi thường theo thủ tục tố tụng dân sự tại Toà án	11		
	Không giải quyết dứt điểm, đúng pháp luật vụ việc bồi thường theo thủ tục tố tụng dân sự tại Toà án (bị bản án, quyết định phúc thẩm, giám đốc thẩm hủy)	0		
đ	Thực hiện báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi giải quyết bồi thường	11		
	Thực hiện báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền ngay sau khi giải quyết bồi thường đúng thời hạn và nội dung theo quy định của pháp luật	11		
	Thực hiện báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi giải quyết bồi thường không đúng thời hạn và nội dung theo quy định của pháp luật hoặc không thực hiện việc báo cáo	0		
2.2	Tính kịp thời trong hoạt động giải quyết bồi thường và chi trả tiền bồi thường	23		Hồ sơ giải quyết bồi thường
a	Tuân thủ thời hạn, thời hiệu giải quyết bồi thường theo quy định của Luật TNBTCNN	11		
a.1.	Thụ lý đơn yêu cầu bồi thường	2		
	Thụ lý đơn yêu cầu bồi thường trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn và các giấy tờ hợp lệ	2		
	Thụ lý đơn yêu cầu bồi thường trên 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn và các giấy tờ hợp lệ	0		
a.2.	Cử người đại diện thực hiện việc giải quyết bồi thường	2		
	Cử người đại diện theo quy định của pháp luật để thực hiện việc giải quyết bồi thường ngay sau khi thụ lý đơn yêu cầu bồi thường	2		
	Cử người đại diện thực hiện việc giải quyết	1		

	bồi thường từ ngày thứ hai đến ngày thứ ba kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu bồi thường				
	Cử người đại diện thực hiện việc giải quyết bồi thường sau ngày thứ ba kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu bồi thường	0			
a.3.	Xác minh thiệt hại	2			
	Việc xác minh thiệt hại được tiến hành trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu bồi thường và kết thúc trong vòng 20 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu bồi thường hoặc trong vòng 40 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu bồi thường đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm	2			
	Việc xác minh thiệt hại được tiến hành sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu bồi thường và kết thúc trong vòng 20 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu bồi thường hoặc trong vòng 40 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu bồi thường đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm	1			
	Việc xác minh thiệt hại vượt quá thời hạn 20 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu bồi thường hoặc vượt quá 40 ngày kể từ ngày thụ lý đơn yêu cầu bồi thường đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp hoặc phải xác minh tại nhiều địa điểm	0			
a.4.	Thương lượng việc bồi thường	3			
	Thương lượng việc bồi thường được tiến hành trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại và không quá 30 ngày kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại hoặc trong vòng 45 ngày đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp	3			
	Thương lượng việc bồi thường được tiến hành sau 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại và không quá 30 ngày kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại hoặc trong vòng 45 ngày đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp	2			
	Thương lượng việc bồi thường vượt quá thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc việc xác minh thiệt hại hoặc vượt quá 45 ngày đối với vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp	0			
a.5.	Ra quyết định giải quyết bồi thường	2			
	Hoàn thành dự thảo quyết định giải quyết bồi thường trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ	2			

	ngày kết thúc việc thương lượng và ra quyết định giải quyết bồi thường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc thương lượng				
	Hoàn thành dự thảo quyết định giải quyết bồi thường sau 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc thương lượng và ra quyết định giải quyết bồi thường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc thương lượng	1			
	Ra quyết định giải quyết bồi thường vượt quá thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc việc thương lượng	0			
b	Thực hiện chi trả tiền bồi thường đúng quy định pháp luật	12			
	Thực hiện chi trả tiền bồi thường trong thời hạn 05 ngày làm việc sau khi nhận được kinh phí do cơ quan tài chính cấp	12			
	Thực hiện chi trả tiền bồi thường từ trên 05 ngày làm việc tới dưới 15 ngày sau khi nhận được kinh phí do cơ quan tài chính cấp	8			
	Thực hiện chi trả tiền bồi thường từ 15 ngày đến dưới 30 ngày, sau khi nhận được kinh phí do cơ quan tài chính cấp	4			
	Thực hiện chi trả tiền bồi thường từ 30 ngày trở lên sau khi nhận được kinh phí do cơ quan tài chính cấp	0			
2.3	Tính kịp thời trong thực hiện trách nhiệm hoàn trả	22		Hồ sơ xem xét trách nhiệm hoàn trả	
a	Tổ chức xem xét trách nhiệm hoàn trả kịp thời, đúng quy định	11			
a.1.	Thời hạn thành lập Hội đồng xem xét trách nhiệm hoàn trả	6			
	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày đã thực hiện xong việc chi trả tiền bồi thường	6			
	Từ trên 20 ngày đến dưới 30 ngày kể từ ngày đã thực hiện xong việc chi trả tiền bồi thường	3			
	Từ 30 ngày trở lên kể từ ngày đã thực hiện xong việc chi trả tiền bồi thường hoặc không thành lập	0			
a.2.	Thành phần Hội đồng xem xét trách nhiệm hoàn trả	5			
	Thành phần Hội đồng đúng theo quy định của pháp luật	5			
	Thành phần Hội đồng không đúng theo quy định của pháp luật	0			
b	Ban hành và thực hiện quyết định hoàn trả đúng quy định	11			
b.1.	Thời hạn ban hành quyết định hoàn trả	5			

	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thực hiện xong việc chi trả tiền bồi thường	5		
	Từ trên 30 đến 60 ngày kể từ ngày thực hiện xong việc chi trả tiền bồi thường	3		
	Từ trên 60 ngày kể từ ngày thực hiện xong việc chi trả tiền bồi thường hoặc không ban hành quyết định hoàn trả	0		
b.2.	Thực hiện quyết định hoàn trả	6		
	Thực hiện hoàn trả đúng thời hạn và đầy đủ theo quyết định hoàn trả	6		
	Thực hiện hoàn trả không đúng thời hạn và không đầy đủ theo quyết định hoàn trả	3		
3	Tiêu chí về hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước về công tác bồi thường	100		
3.1	<i>Triển khai tập huấn, bồi dưỡng các văn bản pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước</i>	18		Kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng và Báo cáo tổng kết hoặc Báo cáo kết quả thực hiện
a	Kịp thời tổ chức tập huấn, bồi dưỡng các văn bản pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	6		
	Kịp thời tổ chức tập huấn, bồi dưỡng các văn bản pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	6		
	Không kịp thời tổ chức tập huấn, bồi dưỡng các văn bản pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	0		
b	Nội dung, hình thức tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	6		
b.1.	Đối tượng tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	2		
	Đối tượng tập huấn, bồi dưỡng phù hợp với nội dung tập huấn, bồi dưỡng	2		
	Đối tượng tập huấn, bồi dưỡng chưa phù hợp với nội dung tập huấn, bồi dưỡng	0		
b.2.	Nội dung tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	2		
	Nội dung tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước đầy đủ, đúng quy định, phù hợp với yêu cầu của thực tiễn	2		
	Nội dung tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước chưa đầy đủ, đúng quy định, phù hợp với yêu cầu của thực tiễn	0		
b.3.	Số lượng hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến	2		

	thức pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước			
	Tổ chức từ 02 hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trở lên cho đầy đủ đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý	2		
	Tổ chức 01 hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước cho một phần đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý	1		
	Không tổ chức hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	0		
c	Chất lượng, hiệu quả của hoạt động tập huấn, bồi dưỡng	6		
	Hoạt động tập huấn, bồi dưỡng đạt chất lượng, hiệu quả cao	6		
	Hoạt động tập huấn, bồi dưỡng đạt chất lượng, hiệu quả trung bình	4		
3.2	Hoạt động hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường	13		Công văn hướng dẫn nghiệp vụ
a	Tính kịp thời, đúng pháp luật trong hoạt động hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường	7		
	Hoạt động hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường được thực hiện kịp thời và đúng pháp luật	7		
	Hoạt động hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường không thực hiện kịp thời và không đúng pháp luật	0		
b	Năng lực, chuyên môn của cán bộ, công chức thực hiện công tác hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường	6		
	Cán bộ, công chức thực hiện công tác hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường nắm vững đầy đủ nghiệp vụ giải quyết bồi thường	6		
	Cán bộ, công chức thực hiện công tác hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường nắm vững một phần nghiệp vụ giải quyết bồi thường	3		
	Cán bộ, công chức thực hiện công tác hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường chưa nắm vững nghiệp vụ giải quyết bồi thường	0		
3.3	Hiệu quả trong việc xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường	18		
a	Tính kịp thời, đúng pháp luật trong việc xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường	9		
	Việc xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường được thực hiện kịp thời, đúng pháp	9		

	luật			
	Việc xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường thực hiện không kịp thời, không đúng pháp luật	0		
b	Sự phối hợp giữa các cơ quan trong việc xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường (nếu có)	9		
	Có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan trong việc xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường bảo đảm kịp thời, đúng quy định	9		
	Sự phối hợp giữa các cơ quan trong việc xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường chưa chặt chẽ và chưa kịp thời, không đúng quy định	4		
	Không có sự phối hợp giữa các cơ quan trong việc xác định cơ quan có trách nhiệm bồi thường trong vụ việc có yêu cầu phối hợp	0		
3.4	Hiệu quả hoạt động theo dõi, đôn đốc, kiểm tra hoạt động giải quyết bồi thường thuộc thẩm quyền	27		Các cuộc họp, công văn, kế hoạch tổ chức kiểm tra
a	Nguồn thông tin phục vụ hoạt động theo dõi, đôn đốc hoạt động giải quyết bồi thường	6		
a.1.	Nguồn thông tin phục vụ hoạt động theo dõi hoạt động giải quyết bồi thường	3		
	Xây dựng cơ chế và bảo đảm các điều kiện phục vụ hoạt động theo dõi hoạt động giải quyết bồi thường	1,5		
	Tiếp nhận và xử lý thông tin phục vụ hoạt động theo dõi hoạt động giải quyết bồi thường cho tất cả các vụ việc	1,5		
	Không tiếp nhận, không xử lý thông tin mặc dù có vụ việc xảy ra và không xây dựng cơ chế bảo đảm	0		
a.2.	Nguồn thông tin phục vụ hoạt động đôn đốc hoạt động giải quyết bồi thường	3		
	Xây dựng cơ chế và bảo đảm các điều kiện phục vụ hoạt động đôn đốc hoạt động giải quyết bồi thường	1,5		
	Tiếp nhận và xử lý thông tin phục vụ hoạt động đôn đốc hoạt động giải quyết bồi thường tất cả các vụ việc	1,5		
	Không tiếp nhận và không xử lý thông tin mặc dù có vụ việc xảy ra và không xây dựng cơ chế bảo đảm	0		
b	Tính kịp thời trong công tác theo dõi, đôn đốc hoạt động giải quyết bồi thường	7		
b.1.	Tính kịp thời trong công tác theo dõi hoạt	3		

	động giải quyết bồi thường			
	Thực hiện việc nắm bắt thông tin về hoạt động giải quyết bồi thường trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ thực hiện việc theo dõi hoạt động giải quyết bồi thường	3		
	Thực hiện việc nắm bắt thông tin về hoạt động giải quyết bồi thường từ trên 05 ngày làm việc đến dưới 10 ngày kể từ ngày có căn cứ thực hiện việc theo dõi hoạt động giải quyết bồi thường	2		
	Thực hiện việc nắm bắt thông tin về hoạt động giải quyết bồi thường từ 10 ngày đến 20 ngày kể từ ngày có căn cứ thực hiện việc theo dõi hoạt động giải quyết bồi thường	1		
	Thực hiện việc nắm bắt thông tin về hoạt động giải quyết bồi thường từ trên 20 ngày kể từ ngày có căn cứ thực hiện việc theo dõi hoạt động giải quyết bồi thường	0		
b.2.	Tính kịp thời trong công tác đơn đốc hoạt động giải quyết bồi thường	4		Công văn đơn đốc
	Việc đơn đốc hoạt động giải quyết bồi thường được thực hiện trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có căn cứ đơn đốc	4		
	Việc đơn đốc hoạt động giải quyết bồi thường được thực hiện từ trên 05 ngày làm việc đến 10 ngày kể từ ngày có căn cứ đơn đốc	2		
	Việc đơn đốc hoạt động giải quyết bồi thường được thực hiện từ trên 10 ngày kể từ ngày có căn cứ đơn đốc	0		
c	Tính kịp thời trong công tác kiểm tra hoạt động giải quyết bồi thường	7		Kế hoạch kiểm tra
	Công tác kiểm tra hoạt động giải quyết bồi thường được thực hiện theo đúng thời hạn tại Kế hoạch hàng năm của cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc thực hiện kịp thời với yêu cầu đặt ra thông qua kết quả của hoạt động theo dõi, đơn đốc giải quyết bồi thường	7		
	Công tác kiểm tra hoạt động giải quyết bồi thường thực hiện quá 05 ngày làm việc đến 15 ngày so với: thời hạn tại Kế hoạch hàng năm của cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc yêu cầu đặt ra thông qua kết quả của hoạt động theo dõi, đơn đốc giải quyết bồi thường	5		
	Công tác kiểm tra hoạt động giải quyết bồi	3		

	thường thực hiện quá 15 ngày đến 20 ngày so với: thời hạn tại Kế hoạch hàng năm của cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc yêu cầu đặt ra thông qua kết quả của hoạt động theo dõi, đơn đốc giải quyết bồi thường				
	Công tác kiểm tra hoạt động giải quyết bồi thường thực hiện quá 20 ngày so với: thời hạn tại Kế hoạch hàng năm của cơ quan quản lý nhà nước về công tác bồi thường hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc yêu cầu đặt ra thông qua kết quả của hoạt động theo dõi, đơn đốc giải quyết bồi thường hoặc không thực hiện	0			
d	Hiệu quả của các biện pháp xử lý sau kiểm tra	7		Báo cáo kết quả kiểm tra	
d.1.	Báo cáo kết quả kiểm tra	3			
	Có báo cáo kết quả kiểm tra gửi cho cơ quan đã ra quyết định kiểm tra và Bộ Tư pháp trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi kiểm tra	3			
	Có báo cáo kết quả kiểm tra gửi cho cơ quan đã ra quyết định kiểm tra hoặc Bộ Tư pháp từ 04 ngày làm việc đến 10 ngày sau khi kiểm tra	2			
	Có báo cáo kết quả kiểm tra gửi cho cơ quan đã ra quyết định kiểm tra hoặc Bộ Tư pháp từ trên 10 ngày sau khi kiểm tra hoặc không thực hiện việc báo cáo	0			
d.2.	Các biện pháp xử lý sau kiểm tra	4			
	Biện pháp xử lý sau kiểm tra phù hợp với vi phạm pháp luật	4			
	Biện pháp xử lý sau kiểm tra không phù hợp với vi phạm pháp luật	0			
3.5	Nắm bắt tình hình công tác bồi thường nhà nước	12			
a	Xây dựng và thực hiện kế hoạch năm bắt tình hình công tác bồi thường trong ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý	6		Kế hoạch chung trong đó có nội dung này hoặc Kế hoạch riêng	
a.1.	Xây dựng Kế hoạch năm bắt tình hình công tác bồi thường trong ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý	2			
	Có xây dựng Kế hoạch năm bắt tình hình công tác bồi thường trong ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý	2			
	Không xây dựng kế hoạch năm bắt tình hình công tác bồi thường trong ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý	0			

a.2.	Thực hiện Kế hoạch năm bắt tình hình công tác bồi thường trong ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý	4		Báo cáo kết quả thực hiện	
	Thực hiện được trên 80% Kế hoạch năm bắt tình hình công tác bồi thường trong ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý đã đề ra	4			
	Thực hiện được từ 50% đến 80% Kế hoạch năm bắt tình hình công tác bồi thường trong ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý đã đề ra	3			
	Thực hiện được dưới 50% Kế hoạch năm bắt tình hình công tác bồi thường trong ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý	2			
	Không thực hiện Kế hoạch năm bắt tình hình công tác bồi thường trong ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý	0			
b	Bảo đảm tình hình, số liệu về công tác bồi thường nhà nước được nắm bắt kịp thời, đầy đủ	6			
	Tình hình, số liệu về công tác bồi thường nhà nước được nắm bắt kịp thời và đầy đủ	6			
	Tình hình, số liệu về công tác bồi thường nhà nước được nắm bắt kịp thời nhưng chưa đầy đủ hoặc đầy đủ nhưng chưa kịp thời	3			
	Tình hình, số liệu về công tác bồi thường nhà nước chưa được nắm bắt kịp thời và đầy đủ	0			
3.6	Hiệu quả giải đáp vướng mắc về việc thực hiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước	12	Sở Tư pháp không chấm điểm tiêu chí này		
a	Biện pháp, hình thức giúp người dân tiếp cận cơ chế hỗ trợ thực hiện quyền yêu cầu bồi thường dễ dàng, thuận lợi	6			
	Có từ 02 biện pháp, hình thức trở lên giúp người dân tiếp cận cơ chế hỗ trợ thực hiện quyền yêu cầu bồi thường dễ dàng và thuận lợi đáp ứng từ trên 80% yêu cầu	6			
	Có 01 biện pháp, hình thức giúp người dân tiếp cận cơ chế hỗ trợ thực hiện quyền yêu cầu bồi thường dễ dàng và thuận lợi đáp ứng từ 50% đến 80% yêu cầu	4			
	Có biện pháp, hình thức giúp người dân tiếp cận cơ chế hỗ trợ thực hiện quyền yêu cầu bồi thường nhưng khó khăn và không hiệu quả	2			
	Không thực hiện các biện pháp, hình thức nào giúp người dân tiếp cận cơ chế hỗ trợ thực hiện quyền yêu cầu bồi thường	0			
b	Tính kịp thời, đúng nội dung, thời hạn trong việc giải đáp vướng mắc về việc thực hiện	6			

09917452

	pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước				
	Việc giải đáp vướng mắc về việc thực hiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước được thực hiện kịp thời, đúng nội dung, thời hạn	6			
	Việc giải đáp vướng mắc về việc thực hiện pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước thực hiện không kịp thời, không đúng nội dung, thời hạn	0			
4	Tiêu chí về hiệu quả nâng cao chất lượng hoạt động công vụ của cán bộ, công chức và các cơ quan nhà nước	100			
4.1	Chuyển biến về nhận thức, ý thức và trách nhiệm công vụ của cán bộ, công chức do tác động của Luật TNBTCNN	50			
a	Chuyển biến về nhận thức	25			
a.1.	Thái độ đối với người dân (<i>thông qua phiếu khảo sát</i>)	10	Sở Tư pháp không chấm điểm tiêu chí này		
	Thái độ tôn trọng, tận tụy với nhân dân (từ 80% đến 100% đồng ý)	10			
	Thái độ tôn trọng, tận tụy với nhân dân (từ 50% đến dưới 80% đồng ý)	5			
	Thái độ không tôn trọng, không tận tụy với nhân dân (dưới 50% đồng ý)	0			
a.2.	Ý thức nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ	15			
	Tích cực học tập, bồi dưỡng để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ	15			
	Không tích cực học tập, bồi dưỡng để nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ	0			
b	Chuyển biến về chất lượng hoạt động công vụ, nhiệm vụ được giao	25			
	Hoạt động công vụ, nhiệm vụ được giao được hoàn thành từ 80% trở lên	25			
	Hoạt động công vụ, nhiệm vụ được giao hoàn thành từ 40% đến 80%	15			
	Hoạt động công vụ, nhiệm vụ được giao hoàn thành dưới 40%	5			
	Hoạt động công vụ, nhiệm vụ được giao không có chuyển biến	0			
4.2	Chuyển biến về chất lượng hoạt động của cơ quan nhà nước do tác động của Luật TNBTCNN	50			
a	Giám các vụ việc phát sinh trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động của cơ quan, đơn vị do tác động của việc triển khai thi hành Luật TNBTCNN	25			
	Giám các vụ việc phát sinh trách nhiệm bồi	25			

	thường của Nhà nước trong hoạt động của cơ quan, đơn vị do tác động của việc triển khai thi hành Luật TNBTCNN				
	Các vụ việc phát sinh trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động của cơ quan, đơn vị không có sự thay đổi so với trước khi có Luật TNBTCNN	10			
	Tăng vụ việc phát sinh trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động của cơ quan, đơn vị so với trước khi có Luật TNBTCNN	0			
b	Hiệu quả hoạt động công vụ của cơ quan nhà nước	25			
b.1.	Khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động công vụ của cán bộ, công chức	5		Số liệu, hồ sơ theo dõi, giải quyết	
	Có khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động công vụ của cán bộ, công chức	0			
	Không có khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động công vụ của cán bộ, công chức	5			
b.2.	Giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến hoạt động công vụ của cán bộ, công chức	5			
	Khiếu nại, tố cáo được tiếp nhận và xử lý, giải quyết trên 80%	5			
	Khiếu nại, tố cáo được tiếp nhận và xử lý, giải quyết từ 50% đến 80%	3			
	Khiếu nại, tố cáo được tiếp nhận và xử lý, giải quyết dưới 50%	0			
b.3.	Hoàn thành Kế hoạch công tác	15		Báo cáo kết quả thực hiện công tác	
	Hoàn thành trên 80% Kế hoạch công tác	15			
	Hoàn thành từ 50 đến 80% Kế hoạch công tác	10			
	Hoàn thành từ 20 đến dưới 50% Kế hoạch công tác	5			
	Hoàn thành dưới 20% Kế hoạch công tác	0			
KẾT QUẢ TỰ CHẤM ĐIỂM		346			

Phụ lục II
MẪU BÁO CÁO

*(Ban hành kèm theo Công văn số 4014/BTP-BTNN ngày 30/10/2015
về hướng dẫn triển khai áp dụng Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá hiệu quả thi
hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước)*

CƠ QUAN TỰ CHẤM ĐIỂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO

**Về việc triển khai áp dụng Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá hiệu quả thi
hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước**

(từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm)

(Tên cơ quan xây dựng Báo cáo) gửi Cục Bồi thường nhà nước - Bộ Tư pháp báo cáo về việc triển khai áp dụng Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá hiệu quả thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước tại (tên tỉnh, thành phố) với các nội dung chính như sau:

1. Công tác triển khai thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước
2. Công tác triển khai thực hiện việc tự đánh giá, chấm điểm
 - a) Thời gian triển khai thực hiện việc tự đánh giá, chấm điểm;
 - b) Phân công nhiệm vụ chấm điểm;
 - c) Cơ sở chấm điểm để bảo đảm tính sát thực của điểm được đánh giá;
 - d) Đối với những tiêu chí, tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng thì phải diễn giải đầy đủ, cụ thể cách đánh giá, tính điểm.
3. Khó khăn, vướng mắc và các đề xuất, kiến nghị của đơn vị
4. Bảng chấm điểm đánh giá hiệu quả thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước (gửi kèm theo)
5. Các tài liệu kiểm chứng gửi kèm theo Bảng chấm điểm

Nơi nhận:

- Cục Bồi thường nhà nước – Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- ...
- Lưu: VT, ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Chữ ký, dấu)